

 **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC G SÀI GÒN**
MÃ SỐ THUẾ: 0300396916
Địa chỉ: 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp.HCM

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC
G SÀI GÒN
(Sửa đổi lần thứ mười)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	2
Điều 1. Tên Công ty.....	2
Điều 2. Trụ sở, chi nhánh và con dấu của Công ty.....	2
Điều 3. Hình thức tư cách hoạt động.....	3
Điều 4. Mục tiêu, nội dung và phạm vi kinh doanh hoạt động của Công ty.....	3
Điều 5. Thời gian hoạt động.....	4
Điều 6. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Công ty.....	4
Điều 7. Tổ chức Đảng và Tổ chức Chính trị – Xã hội.....	4
CHƯƠNG 2. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN.....	4
Điều 8. Quyền hạn của Công ty cổ phần.....	4
Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty cổ phần.....	5
CHƯƠNG 3. VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHIẾU – CỔ PHẦN – CỔ ĐÔNG.....	5
Điều 10. Vốn điều lệ.....	5
Điều 11. Cổ phần.....	6
Điều 12. Cổ phiếu.....	6
Điều 13. Mua bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phiếu.....	7
Điều 14. Cổ đông và sổ đăng ký cổ đông.....	9
Điều 15. Quyền của cổ đông phổ thông.....	10
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	11
Điều 17. Thu hồi cổ phiếu.....	12
CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	12
Điều 18. Đại hội đồng cổ đông Công ty.....	12
Điều 19. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	13
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	14
Điều 21. Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 22. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 23. Điều kiện, thể thức triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 24. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 25. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
CHƯƠNG 5. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 29. Hội đồng quản trị.....	22
Điều 30. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 31. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 32. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT.....	25
Điều 34. Trường hợp khuyết thành viên HĐQT.....	26
Điều 35. Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị.....	26
Điều 36. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 37. Thủ lao và chi phí của Hội đồng quản trị.....	27
CHƯƠNG 6. BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY LÀM VIỆC.....	27
Điều 38. Giám đốc (Tổng giám đốc).....	27

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Giáo Dục G Sài Gòn

Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc (Tổng giám đốc)	28
Điều 40. Chức năng và nhiệm vụ của Giám đốc (Tổng giám đốc)	28
Điều 41. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc)	28
Điều 42. Ủy quyền	29
Điều 43. Từ nhiệm và đương nhiên bị miễn nhiệm	29
CHƯƠNG 7. BAN KIỂM SOÁT	29
Điều 44. Ban kiểm soát	29
Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	29
Điều 46. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát	30
Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	30
Điều 48. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Nghĩa vụ của Kiểm soát viên	30
CHƯƠNG 8. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	32
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác	33
Điều 50. Giao dịch với người có liên quan	33
Điều 51. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty	34
CHƯƠNG 9. HỆ THỐNG KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ	34
Điều 52. Hệ thống kế toán	34
Điều 53. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ	35
Điều 54. Xử lý kinh doanh thua lỗ	36
CHƯƠNG 10. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	36
Điều 55. Báo cáo thường niên, báo cáo tài chính	36
Điều 56. Công bố thông tin và thông báo ra Công chúng	37
CHƯƠNG 11. KIỂM TOÁN CÔNG TY	37
Điều 57. Kiểm Toán	37
CHƯƠNG 12. GIẢI THỂ – THANH LÝ – TRANH TỤNG	38
Điều 58. Giải thể	38
Điều 59. Thanh lý	38
Điều 60. Tố tụng tranh chấp	38
CHƯƠNG 13. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	39
Điều 61. Hiệu lực của Điều lệ	39
Điều 62. Thủ tục sửa đổi bổ sung các Điều khoản của Điều lệ	39
Điều 63. Điều khoản cuối cùng	39

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIÁO DỤC G SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 12 năm 2021

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC G SÀI GÒN**
(Sửa đổi Điều lệ lần thứ mười – 15/12/2021)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Căn cứ bản Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 24/06/2004.
- Căn cứ bản Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty sửa đổi lần thứ chín do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30/06/2020
- Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.
 - b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020.
 - c) "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26/11/2019.
 - d) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.
 - e) "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó giám đốc (hoặc Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn theo Điều lệ.
 - f) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - g) "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - h) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - i) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng;

- Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
- Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều lệ này là cơ sở Pháp lý cho hoạt động của Công ty Cổ Phần Giáo Dục G Sài Gòn (dưới đây gọi là “Công ty”). Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Giáo Dục G Sài Gòn cùng thảo luận, biểu quyết thông qua hợp lệ tại cuộc họp cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 15 tháng 12 năm 2021 cùng cam kết thực hiện theo Bản Điều lệ Công ty sửa đổi lần thứ mười - năm 2021, gồm các Điều khoản sau:

CHƯƠNG 1. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên Công ty

- Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC G SÀI GÒN.**
- Tên giao dịch quốc tế: **G SAIGON EDUCATION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt:

Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Điều 2. Trụ sở, chi nhánh và con dấu của Công ty

- Trụ sở chính: 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 3835 3820
- Fax:
- Website : www.sashoco.vn

Trụ sở này có thể di dời nơi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được đăng ký tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi thay đổi trụ sở Công ty, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp.

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn sản xuất kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền, Sở kế hoạch đầu tư và Ngân hàng.

Công ty chỉ có 01 (một) con dấu doanh nghiệp, được quản lý và sử dụng con dấu theo quy định tại Điều 15 Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/6/2015 của Chính phủ và Điều 43 Luật Doanh Nghiệp.

Tùy điều kiện cụ thể, Hội đồng quản trị sẽ giao người quản lý và sử dụng con dấu theo quy định hiện hành. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Hình thức tư cách hoạt động

- 1) Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và trên cơ sở tự nguyện cùng đóng góp vốn của các cổ đông, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- 2) Công ty Cổ Phần Giáo Dục G Sài Gòn thuộc sở hữu của các cổ đông.
 - Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng.
 - Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các tài khoản nợ bằng các số vốn đó.
 - Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

Điều 4. Mục tiêu, nội dung và phạm vi kinh doanh hoạt động của Công ty

- 1) Mục tiêu của Công ty: Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển về các hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy quyền tối đa lợi nhuận có thể có được của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
- 2) Nội dung hoạt động của Công ty: Ngành nghề sản xuất kinh doanh
 - Đào tạo, giáo dục các cấp.
 - Sản xuất kinh doanh Giày dép, túi xách, cặp táp các loại.
 - Kinh doanh nguyên phụ liệu ngành Giày dép, túi xách, cặp táp, dệt may.
 - Đại lý mua bán, ký gởi Giày dép, túi xách, cặp táp cho nước ngoài.
 - Xuất nhập khẩu trực tiếp. Xuất nhập khẩu ủy thác.
 - Cho thuê: văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị.
 - Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.
 - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, tàu biển.
 - Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và HĐQT xét thấy có lợi nhất cho Công ty.
- 3) Phạm vi kinh doanh:
 - Kinh doanh với nước ngoài.
 - Thị trường xuất nhập khẩu.
 - Kinh doanh trong nước.
 - Công ty có thể mở rộng, thu hẹp hoặc thay đổi phạm vi hoạt động do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 5. Thời gian hoạt động

Thời gian hoạt động của Công ty tính từ ngày chính thức hoạt động (Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế Hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp) và vô thời hạn.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Công ty

- 1) Công ty cổ phần hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
- 2) Các cổ đông Công ty cổ phần cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình với Công ty.
- 3) Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần là Đại hội đồng cổ đông.
- 4) Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để lãnh đạo Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, bầu Kiểm soát viên để kiểm soát hoạt động của Công ty.
- 5) Điều hành hoạt động của Công ty là Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 7. Tổ chức Đảng và Tổ chức Chính trị – Xã hội

- 1) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng Sản Việt Nam.
- 2) Tổ chức Công Đoàn, các Tổ chức Chính trị – Xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.
- 3) Công ty Cổ phần Giáo Dục G Sài Gòn tạo mọi điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ và điều lệ của mình.

CHƯƠNG 2. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 8. Quyền hạn của Công ty cổ phần

- 1) Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn cổ đông, đất đai, tài nguyên được giao và các nguồn lực khác để thực hiện mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
- 2) Mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu của thị trường. Được phép mở rộng lĩnh vực kinh doanh những ngành nghề khác nhau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.
- 3) Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn phù hợp với quy định của pháp luật (như: Được quyền phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc các hình thức khác theo nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh nhưng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật).
- 4) Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty.
 - Được quyền tuyển dụng và thuê mướn lao động, thử việc hoặc cho nghỉ việc theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh và theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, đơn giá tiền lương, tiền thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động.
- 5) Sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối.
- 6) Quyết định sử dụng phần thu nhập còn lại.
- 7) Chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh đã đăng ký (*như: Lựa chọn khách hàng, trực tiếp giao dịch, ký hợp đồng với khách hàng*).
 - Được quyền ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước.
 - Được quyền liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước theo luật định.
- 8) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty cổ phần

- 1) Kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký ghi trong giấy phép và mục đích thành lập của Công ty. Bảo đảm chất lượng sản phẩm hàng hóa theo tiêu chuẩn đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
- 2) Tổ chức kinh doanh có hiệu quả nhằm phát triển vốn của Công ty, củng cố và phát triển Công ty.
- 3) Tuân thủ chế độ hạch toán kế toán, thống kê, các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của Nhà nước.
- 4) Chấp hành các quy định về chế độ tuyển dụng, hợp đồng và quản lý lao động. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền lợi, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật lao động, tôn trọng quyền của tổ chức Công đoàn theo Luật Công Đoàn.
- 5) Tuân thủ quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và trật tự, an toàn xã hội.
- 6) Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định và chịu sự thanh tra của các cơ quan chức năng của Nhà nước.
- 7) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 3. VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHIẾU – CỔ PHẦN – CỔ ĐÔNG

Điều 10. Vốn điều lệ

- 1) Vốn điều lệ của Công ty là: 32.000.000.000 VNĐ (*Ba mươi hai tỷ đồng chẵn*).
 - Trong quá trình hoạt động Công ty có thể tăng vốn điều lệ, với vốn góp bằng tiền, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật.
- 2) Việc tăng giảm vốn điều lệ của Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 3) Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động:

- Mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị cần thiết tối thiểu cho hoạt động của Công ty.
- Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế.
- Mua cổ phần, trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác.

Nghiêm cấm sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (*Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất*).

Điều 11. Cổ phần

- 1) Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, giấy chứng nhận người sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu, số tiền ghi trên cổ phiếu gọi là mệnh giá cổ phiếu.
- 2) Vốn điều lệ ban đầu được chia thành 1.600.000 cổ phần phổ thông, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng).
- 3) Vào ngày thông qua Điều lệ này, Công ty không có cổ phần ưu đãi, người sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty gọi là cổ đông phổ thông, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- 4) Vốn cổ phần có thể được đóng góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam... phù hợp với quy định của pháp luật phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoại tệ và vàng được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá mua của ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm các cổ đông mua cổ phần. Phần vốn góp bằng hiện vật phải được Đại hội đồng cổ đông thành lập xem xét, chấp thuận định giá và được ghi vào Điều lệ này.
- 5) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6) Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
- 7) Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành phải thực hiện theo các Điều 123, 124, 125, 126 của Luật doanh nghiệp. Mọi cổ phần không được cổ đông mua hết do Hội đồng quản trị kiểm soát và được quyền phân phối mà không cần phải được Đại hội đồng cổ đông duyệt thông qua nhưng vẫn phải đảm bảo quy định pháp luật.
- 8) Công ty có thể mua cổ phần chính mình (*kể cả cổ phần hoàn lại*) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này.

Điều 12. Cổ phiếu

- 1) Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó.
Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần.

- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
 - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.
 - đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.
 - e) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
 - g) Các nội dung khác theo quy định tại Điều 116, 117, 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
- 2) Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.
- 3) Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Trong các trường hợp phát hành cổ phiếu tiếp theo, giá bán cổ phiếu không phụ thuộc vào mệnh giá ghi trên cổ phiếu của Công ty.

Điều 13. Mua bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty cổ phần được mua bán chuyển nhượng thừa kế như sau:

- 1) Đối với cổ phiếu mua theo giá ưu đãi chỉ được chuyển nhượng sau 01 năm đã đóng đủ tiền kể từ khi mua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phiếu này trước thời hạn trên thì phải được Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận. Công ty cổ phần ưu tiên mua lại theo giá thị trường tại thời điểm bán.
- 2) Người lao động nghèo được mua chịu cổ phiếu theo giá ưu đãi, người sở hữu cổ phiếu này chỉ được chuyển nhượng sau 03 năm kể từ khi mua và trả hết nợ cho Công ty.
- 3) Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- 4) Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận và cũng có thể chỉ là trao tay. Cổ phiếu được niêm yết hoặc lưu ký phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung

tâm lưu ký Chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5) Mua lại cổ phần theo yêu cầu cổ đông trong trường hợp:

- a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 5 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

6) Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty trong trường hợp:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức được bán theo quy định sau đây:

- a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c Điều 13.6 này. Đối với cổ phần loại khác, nếu điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ

ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

- 7) Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại:
 - a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 13.5 và Điều 13.6 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ khác.
 - b) Cổ phần được mua lại tại Điều 13.5 và 13.6 của Điều lệ này được xem là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh Nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
 - c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
 - d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.
- 8) Nếu cổ đông của Công ty qua đời, Công ty cổ phần tôn trọng quyền thừa kế cổ phiếu hợp pháp theo di chúc hoặc theo quy định pháp luật. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện duy nhất dưới hình thức ủy quyền xác nhận công chứng. Công ty cổ phần không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế và phải tuân thủ Điều lệ này. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 9) Khi được quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp và đã được ghi vào sổ cổ đông của Công ty, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa.
- 10) Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi tên nào chưa được thanh toán đầy đủ.

Điều 14. Cổ đông và sổ đăng ký cổ đông

- 1) Cổ đông của Công ty Cổ phần Giáo Dục G Sài Gòn là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hay nhiều cổ phần của Công ty.
- 2) Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần, cổ đông thuộc diện lao động nghèo và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
- 3) Người đại diện sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty:
 - a) Người đại diện sở hữu cổ phần của cổ đông là pháp nhân là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó.
 - b) Người đại diện tại điểm a khoản 3 Điều này có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác, trừ trường hợp được pháp nhân đồng ý bằng văn bản.

- c) Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty.
 - d) Việc ủy quyền nêu trên phải được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT của Công ty cổ phần.
- 4) phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu và được lưu giữ theo quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền của cổ đông phổ thông

- 1) Cổ đông Phổ thông có các quyền sau đây:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty.
 - d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.
 - f) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.
 - h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - i) Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của Pháp luật.
- 2) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
 - a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.
 - b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ Công ty.
- 3) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
- c) Có những dấu hiệu bất thường về tài chính.
- d) Phát hiện có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý làm trái gây thiệt hại cho Công ty của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- 4) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử được thực hiện theo theo khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
- 5) Trách nhiệm của cổ đông lớn:
- a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.
- b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

- 1) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
- 2) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

- 3) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 4) Bảo vệ lợi ích, tài sản và bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 5) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật.
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 17. Thu hồi cổ phiếu

- 1) Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn phải thanh toán mới (*Tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo*) và địa điểm thanh toán, phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
- 2) Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các khoản chi phí liên quan.
- 3) Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và do Hội đồng quản trị kiểm soát và phân phối mà không cần phải được Đại hội đồng cổ đông duyệt thông qua.
- 4) Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông Công ty

- 1) Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.
- 2) Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty.

- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - j) Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Giám đốc (Tổng giám đốc).
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.
- 3) Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.

Thông báo phải có đủ nội dung được quy định tại khoản 4, Điều 14, Luật Doanh nghiệp.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 19. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- 1) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- 2) Đại hội đồng cổ đông thường niên là hợp lệ nếu có số cổ đông dự họp (qua các lần triệu tập) đầy đủ theo quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 – Điều 23 của Bản Điều lệ này.
- 3) Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm.
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
 - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 4) Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây :
 1. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên hợp đồng.
 2. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc cho mua Công khai trên sở giao dịch chứng khoán.
- 5) Tất cả các nghị quyết và các vấn đề được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông bất thường

- 1) Lý do và điều kiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Trong trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
- Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 – Điều 15 của Điều lệ này.
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- 2) Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu hoặc xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp thì trong thời hạn 30 ngày

tiếp theo Ban kiểm soát thay thế đề triệu tập cuộc họp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 – Điều 15 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường nêu tại Điều này sẽ được Công ty hoàn trả lại. Trình tự và thủ tục triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định ở Điều 140 Luật doanh nghiệp.

- 3) Cuộc họp bất thường Đại hội đồng cổ đông là họp lệ nếu có số cổ đông dự họp (*Qua các lần triệu tập*) đầy đủ theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 – Điều 23 của Bản Điều lệ này.
- 4) Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của công ty.
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác.
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
 - e) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - g) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
 - h) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
 - i) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 21. Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 3) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông

theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

- 4) Cổ đông được quyền trực tiếp dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc có thể ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác.
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
- 5) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến kỳ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần chuyển nhượng.

Điều 22. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- 1) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
- 2) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 15 của Bản Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 3) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 – Điều này nếu có một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 4) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 23. Điều kiện, thể thức triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty. Thông báo họp phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính

từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Phiếu biểu quyết... được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo mời họp, trên thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận. Việc mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp.

- a) Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết (Triệu tập lần 1).
 - b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a – Khoản 1 – Điều này thì triệu tập cuộc họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc và cuộc họp được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - c) Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b – Khoản 1 – Điều này thì được triệu tập cuộc họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ 2 dự định khai mạc và cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỉ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 2) Các cổ đông được quyền tham gia vào chương trình nghị sự, tham gia Đại hội. Những vấn đề được số cổ đông theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Điều lệ này đề nghị sẽ được đưa vào chương trình đại hội nếu Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - 3) Những cổ đông không đến dự đại hội thì được phép ủy quyền cho đại diện thay thế theo quy định của điều lệ này.
 - 4) Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông. Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (*Ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện*).
 - 5) Chủ tọa Đại hội:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - 6) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp
 - 7) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp, đề nghị Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu.
 - 8) Chương trình, nội dung họp, thời gian đối với từng nội dung chương trình và các Quy tắc làm việc, quy tắc biểu quyết phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- 9) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa, thư ký, đồng thời phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai thành viên HĐQT.
- 8) Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không phải là cổ đông hoặc đại diện cổ đông vẫn có quyền dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 24. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

- 1) Cổ đông được ủy quyền cho người khác thay thế làm đại diện của mình để tham dự Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền được quyền biểu quyết, bầu cử, thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
 - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 2) Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
- 3) Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong những trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - b) Người ủy quyền đã chấm dứt hành vi ủy quyền.
- 4) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
- 5) Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần (*Ủy quyền tham dự cuộc họp lần nào chỉ có giá trị trong cuộc họp lần đó*).
- 6) Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị trước khi khai mạc cuộc họp.

Điều 25. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 1) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f) Tổ chức lại Công ty;
 - g) Tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.
- 3) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b) Giải thể Công ty.
- 4) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 5) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

- 6) Các nghị quyết khác không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào và bất kỳ vấn đề gì quy định tại Điều 20 và Điều 25 Bản điều lệ này nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- 2) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú đã đăng ký của từng cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến; Việc lập danh sách cổ đông, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu được thực hiện theo quy định tại điều 21 và điều 23 Điều lệ này.
- 3) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
- 4) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản Đại hội, biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông

qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; cổ đông và nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1) Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- 2) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG 5. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Hội đồng quản trị

1) Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2) Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Giáo Dục G Sài Gòn có từ 3 (ba) đến 7 (bảy) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bổ nhiệm. Số lượng thành viên cụ thể trong từng thời điểm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty và việc biểu quyết phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3, điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3) Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc bỏ phiếu kín hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được coi là hợp lệ khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên tham dự.

4) Các thành viên vắng mặt phải có lý do chính đáng bất khả kháng.

5) Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và có kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Điều 30. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- 2) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- 3) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 31. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- 1) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
- 2) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- 3) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- 4) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
- 5) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp.
- 6) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- 7) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- 8) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- 9) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- 10) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.
- 11) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- 12) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
- 13) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- 14) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 15) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty.

16) Quyết định việc phát hành trái phiếu, đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.

17) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

Điều 32. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- 1) Hội đồng quản trị họp định kỳ do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 2) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

- Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.

- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị - Việc triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

- 3) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3.1 Quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

- a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản theo quy định tại khoản 9, Điều 157 Luật doanh nghiệp.

- b) Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.2 Quyết định của Hội đồng quản trị bằng cách hỏi ý kiến: Thẻ thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị bằng cách hỏi ý kiến được thực thi theo Điều 29 của Bản Điều lệ này.

- 4) Các cuộc họp và mọi Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải ghi trong biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp và phải được mọi thành viên dự họp thông qua với đầy đủ chữ ký.
- 5) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (P.Tổng giám đốc), người quản lý các Đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

- 1) Thành viên HĐQT bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp.
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
 - Chết, hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất năng lực hành vi dân sự, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù...
- 2) Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 3) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế không được coi là có hiệu lực.
- 4) Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 5) Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 34. Trường hợp khuyết thành viên HĐQT

- 1) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, thành viên của Hội đồng quản trị của công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định. Việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thay thế quy định tại khoản này phải được sự chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó.
- 2) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị khuyết, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- 3) Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 3 Điều 33 Điều lệ này.

Điều 35. Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị

- 1) Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành nếu việc kiêm nhiệm này được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê chuẩn hàng năm và phù hợp với quy định của Pháp luật.
 - b) Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 2) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù và một số trường hợp khác theo quy định tại Điều 156 Luật doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
- 3) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác.
 - Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động SXKD của công ty trong từng thời kỳ.

- Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.
- Thực hiện điều lệ Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công phân nhiệm của Hội đồng quản trị.

Điều 36. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

- 1) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2) Trong nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho đến hết nhiệm kỳ.
- 3) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 37. Thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị

- 1) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao và thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 2) Thù lao và mọi chi phí liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 3) Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6. BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY LÀM VIỆC

Điều 38. Giám đốc (Tổng giám đốc)

- 1) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc).
- 2) Giám đốc (Tổng giám đốc) có thể được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền nhân danh công ty thực hiện một số hoạt động kinh doanh của Công ty; là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá 5 năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- 3) Giúp Giám đốc (Tổng giám đốc) có các Phó Giám đốc (P.Tổng giám đốc) do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm và bãi nhiệm theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc). Các trưởng phó phòng ban, trưởng phó quản đốc do Giám đốc (Tổng giám đốc) bổ nhiệm và bãi nhiệm.

Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc (Tổng giám đốc)

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty phải là người có đủ các điều kiện sau:

- 1) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp.
- 2) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty; đáp ứng các quy định tại Điều 163 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 40. Chức năng và nhiệm vụ của Giám đốc (Tổng giám đốc)

- 1) Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động SXKD của Công ty theo đúng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp Luật.
- 2) Bảo toàn và phát triển vốn theo phương án SXKD đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
- 3) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chuẩn y về kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm, dự án đầu tư, phương án liên doanh, đề án tổ chức quản lý của Công ty, quy hoạch đào tạo cán bộ và lao động, phương án phối hợp kinh doanh của các đơn vị trực thuộc. Tổ chức thực hiện các phương án đã được phê duyệt.
- 4) Quyết định giá mua, giá bán nguyên vật liệu, sản phẩm (*Trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định*).
- 5) Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.
- 6) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Phó Giám đốc (P.Tổng giám đốc), Kế toán trưởng.
- 7) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với CB-CNV dưới quyền.
- 8) Ký các hợp đồng kinh tế theo luật định.
- 9) Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình và kết quả hoạt động SXKD của Công ty và báo cáo quyết toán SXKD hàng năm.

Điều 41. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc)

- 1) Giám đốc (Tổng giám đốc) là người có quyết định cao nhất về mọi hoạt động quản lý và điều hành Công ty.
- 2) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó Chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái Pháp Luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho các kiểm soát viên.
- 3) Có quyền tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc với người lao động phù hợp với Bộ Luật Lao động.
- 4) Điều động lao động trong định biên giữa các đơn vị trực thuộc. Trong trường hợp điều động làm tăng định biên ở các đơn vị này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp nhận bằng văn bản.

- 5) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố ... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo ngay cho Hội đồng quản trị.
- 6) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Pháp luật về những sai phạm nghiệp vụ gây tổn thất cho Công ty.

Điều 42. Ủy quyền

- 1) Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty có thể ủy quyền cho các Phó Giám đốc (P.Tổng giám đốc) hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số Công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước ủy quyền của mình.
- 2) Người được Giám đốc (Tổng giám đốc) ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc (Tổng giám đốc) và Pháp luật về những công việc mình làm.
- 3) Mọi sự ủy quyền của Giám đốc đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 43. Từ nhiệm và đương nhiên bị miễn nhiệm

- 1) Khi Giám đốc (Tổng giám đốc) muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định.
- 2) Giám đốc (Tổng giám đốc) đương nhiên bị miễn nhiệm trong các trường sau đây:
 - Chết, hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất năng lực hành vi dân sự, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù.
 - Tự ý bỏ nhiệm sở.
 - Vi phạm Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp.
- 3) Trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế và đảm nhiệm công việc của Giám đốc (Tổng giám đốc). Trong thời hạn tối đa 30 ngày Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới.

CHƯƠNG 7. BAN KIỂM SOÁT

Điều 44. Ban kiểm soát

- 1) Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 2) Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ không quá năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3) Trưởng Ban kiểm soát do các kiểm soát viên bầu với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp, bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

- 1) Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị

cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- b) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty mẹ và tại công ty.
 - c) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- 2) Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty, không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 46. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát

- 1) Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 2) Trong nhiệm kỳ nếu khuyết Kiểm soát viên thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp.

Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- 1) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp.
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
 - d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
- 2) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
 - b) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
 - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

- 1) Ban kiểm soát Công ty có quyền và nhiệm vụ sau:

- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này.
- f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- i) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- k) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- l) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2) Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
 - d) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
 - e) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
- 3) Kiểm soát viên có nghĩa vụ:
- a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
 - b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
 - c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - e) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
 - f) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 4) Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG 8. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác

- 1) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình theo quy định của Điều 164 Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

- 2) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 3) Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 4) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.
- 5) Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 50. Giao dịch với người có liên quan

- 1) Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
- 2) Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.
- 3) Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty đại chúng không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 51. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

- 1) Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
- 2) Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
 - a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;
 - b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.
- 3) Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG 9. HỆ THỐNG KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 52. Hệ thống kế toán

- 1) Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận.
 - Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty;
 - Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
- 2) Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
- 3) Cuối mỗi niên độ kế toán, Hội đồng quản trị xem xét thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán. (báo cáo tình hình tài chính)
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. (báo cáo kết quả hoạt động)
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.
- 4) Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trước 15 ngày của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 5) Sau đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo luật định.

Điều 53. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

- 1) Lợi nhuận sau thuế, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ sau:

Hội đồng quản trị dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định trích các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển trích tối thiểu 10%/Lợi nhuận sau thuế, sử dụng chủ yếu trong việc nâng cấp máy móc, thiết bị, nhà xưởng.
- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi trích tối đa không quá 30%/Lợi nhuận sau thuế, sử dụng chủ yếu trong việc: thưởng Hội đồng quản trị, những người có công với Công ty, xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của người lao động, hiếu hỷ, trợ cấp khó khăn cho người lao động hoặc những mục đích khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tỷ lệ trích trên được thực hiện với yêu cầu khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, bù đắp đủ lỗ trước đó và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- 2) Cổ tức chia cho các cổ đông được thực hiện theo các quy định sau:

- a) Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- b) Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kể cả đã tính đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của năm trước năm hiện hành sau khi đã trích lập các quỹ doanh nghiệp theo quy định của điều lệ doanh nghiệp và trích quỹ của doanh nghiệp quy định của pháp luật (nếu có). Lợi nhuận chưa phân phối của năm liền trước chuyển sang (kể cả lãi hoặc lỗ) được cộng vào lợi nhuận của năm hiện hành để làm cơ sở trả cổ tức bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu cho năm hiện hành.

Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

- c) Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng

thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- d) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
- e) Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.
- f) Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty và tỷ lệ chi trả không vượt quá tỷ lệ cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông đầu năm thông qua.

Điều 54. Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, thời hạn chuyển lỗ tối đa là 03 năm. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

CHƯƠNG 10. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 55. Báo cáo thường niên, báo cáo tài chính

- 1) Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Điều 57 của Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, cơ quan thống kê và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 2) Báo cáo tài chính phải bao gồm bảng cân đối kế toán (báo cáo tình hình tài chính), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (báo cáo kết quả hoạt động), báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nguồn vốn của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ tất cả nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán.
- 3) Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

- 4) Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
- 5) Công ty phải lập Báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật và thông tin tài chính trên báo cáo phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 56. Công bố thông tin và thông báo ra Công chúng

- 1) Công ty phải công bố đầy đủ và đúng hạn nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch).
- 2) Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về chứng khoán về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 3) Báo cáo tài chính năm, báo cáo thường niên của Công ty được lập bằng tiếng Việt (và bản dịch tiếng Anh nếu có), phải công bố trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và lưu trữ ít nhất mười (10) năm tại trụ sở chính của Công ty để Nhà đầu tư tham khảo.
- 4) Công ty phải báo cáo và công bố các thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu, thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ và các thông tin khác đã được quy định theo Luật chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và pháp luật.

CHƯƠNG 11. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57. Kiểm Toán

- 1) Tại Đại hội cổ đông hàng năm, Đại hội đồng cổ đông có thể chọn hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn công ty kiểm toán trên cơ sở trao đổi thống nhất với Ban kiểm soát để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những quy định của pháp luật và Công ty. Công ty kiểm toán được chọn phải là công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty Đại chúng. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- 2) Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 3) Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hàng năm, cho biết tình hình tài chính, bằng tài sản, vốn của Công ty, kết quả hoạt động SXKD của Công ty và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 4) Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 5) Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác

liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG 12. GIẢI THỂ – THANH LÝ – TRANH TỤNG

Điều 58. Giải thể

Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

- Trường hợp Công ty bị lỗ đến $\frac{3}{4}$ vốn điều lệ, mọi cổ đông có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết công việc giải thể Công ty.
- Khi có lý do chính đáng Hội đồng quản trị có quyền đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty.
- Quyết định đình chỉ hoạt động của cơ quan Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 59. Thanh lý

- 1) Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm (03) thành viên: Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 2) Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3) Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý.
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên.
 - c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước.
 - d) Các khoản vay (nếu có).
 - e) Các khoản nợ khác của Công ty.
 - f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 60. Tổ tụng tranh chấp

- 1) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện Công ty trước pháp luật và có quyền ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng.

- 2) Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh chấp liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.
- 3) Mọi cổ đông có quyền khiếu nại quyền lợi chính đáng của mình và được bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 4) Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các luật khác hoặc quy định hành chính quy định giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành hay cán bộ quản lý khác, các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- 5) Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
- 6) Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài, Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài, Tòa án.

CHƯƠNG 13. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 61. Hiệu lực của Điều lệ

Bản Điều lệ này gồm 13 Chương 63 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giáo Dục G Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại TP Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều 62. Thể thức sửa đổi bổ sung các Điều khoản của Điều lệ

- 1) Những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp pháp luật có những quy định mới khác với các điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
- 2) Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Điều 63. Điều khoản cuối cùng

- 1) Điều lệ này được thành lập 10 bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong đó:
 - 01 bản nộp tại Phòng Công Chứng Nhà nước địa phương.
 - 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND TP.HCM.
 - 04 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.

- 2) Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 3) Các bản sao hay trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**



lll
NGUYỄN QUỐC ĐẠI

